

trái với những quy định tại Thông tư liên tịch này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và xã hội

*Thứ trưởng*

LÊ DUY ĐỒNG

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

*Thứ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**QUYẾT ĐỊNH số 08/2000/QĐ-BGDĐT**  
ngày 30/3/2000 về việc ban hành  
Quy chế về nghiên cứu khoa học  
của sinh viên trong các trường  
đại học và cao đẳng.

**BỘ TRƯỞNG**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;*

*Theo đề nghị của các Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Đại học, Vụ trưởng Vụ Công tác chính trị,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Đại học, Vụ trưởng Vụ Công tác chính trị, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan, Giám đốc các đại học, Hiệu trưởng các trường đại học, Giám đốc các học viện và Hiệu trưởng các trường cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

NGUYỄN MINH HIỂN

**QUY CHẾ về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Mục đích nghiên cứu khoa học:

1. Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.
2. Tiếp cận và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học.
3. Giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn.

**Điều 2. Yêu cầu về nghiên cứu khoa học:**

1. Phù hợp với khả năng và nguyện vọng của sinh viên.
2. Phù hợp với nội dung của chương trình đào tạo và một số đòi hỏi thực tiễn của xã hội.
3. Phù hợp với định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của các trường đại học và cao đẳng (sau đây gọi tắt là cơ sở).
4. Không ảnh hưởng đến học tập chính khóa của sinh viên.

**Điều 3. Nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học:**

1. Nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo.
2. Tham gia triển khai áp dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, đời sống và an ninh quốc phòng.
3. Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ tuổi trẻ, thông tin khoa học công nghệ, câu lạc bộ khoa học sinh viên.

*Chương II*

**QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC  
CỦA SINH VIÊN**

**Điều 4. Kế hoạch nghiên cứu khoa học của sinh viên:**

Nghiên cứu khoa học của sinh viên là một

phần của kế hoạch khoa học và công nghệ của cơ sở. Việc triển khai và quản lý nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện theo những quy định hiện hành về hoạt động khoa học và công nghệ.

**Điều 5. Đề tài nghiên cứu khoa học:**

1. Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể là một phần của đề tài các cấp do các giảng viên, cán bộ nghiên cứu chủ trì hoặc là đề tài do sinh viên tự chọn.
2. Mỗi sinh viên hoặc một nhóm sinh viên thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của các giảng viên, cán bộ nghiên cứu và nghiên cứu sinh.
3. Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên được thủ trưởng các cơ sở phê duyệt và tổ chức đánh giá.

**Điều 6. Kinh phí nghiên cứu khoa học:**

Hàng năm, thủ trưởng các cơ sở quyết định dành một khoản kinh phí thích hợp để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kinh phí này được trích từ các nguồn sau:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các hoạt động khoa học và công nghệ.
2. Kinh phí đào tạo thường xuyên của cơ sở.
3. Kinh phí khác của cơ sở.
4. Nguồn tài trợ của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân trong và ngoài nước.

**Điều 7. Trách nhiệm của Phòng (Ban) Khoa học của các cơ sở:**

1. Đề xuất kế hoạch, nội dung, biện pháp tổ chức nghiên cứu khoa học hàng năm của sinh viên.
2. Chủ trì phối hợp với Phòng (Ban) Đào tạo, Phòng (Ban) Công tác chính trị - Sinh viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên và các tổ chức, đoàn thể khác trong công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên.

3. Đề xuất các phương án ứng dụng kết quả công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên vào thực tiễn, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, và trong phạm vi cho phép của cơ sở.

**Điều 8.** Trách nhiệm của thủ trưởng cơ sở:

1. Xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên để phù hợp với mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo và điều kiện nghiên cứu khoa học của cơ sở.

2. Xem xét và lựa chọn các công trình đưa vào ứng dụng, các biện pháp triển khai và quy định cụ thể chế độ đãi ngộ đối với các tác giả cũng như những người đã đóng góp trong việc ứng dụng thành công kết quả công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên vào thực tiễn.

### Chương III

#### TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA SINH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**Điều 9.** Trách nhiệm của sinh viên:

1. Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học được giao theo kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở.

2. Chấp hành các quy định hiện hành về hoạt động khoa học và công nghệ.

**Điều 10.** Quyền lợi của sinh viên:

1. Được tạo điều kiện sử dụng các thiết bị sẵn có của cơ sở để tiến hành nghiên cứu khoa học.

2. Kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể được công bố trên các kỷ yếu, tập san, tạp chí, thông báo khoa học và các phương tiện thông tin khác.

**Điều 11.** Khuyến khích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

1. Khuyến khích sinh viên (đặc biệt là sinh viên đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên) tham gia nghiên cứu khoa học theo kế hoạch khoa học và công nghệ của cơ sở.

2. Các cơ sở tổ chức hội nghị nghiên cứu khoa học của sinh viên hàng năm ở các cấp để tổng kết và đánh giá kết quả các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, khen thưởng sinh viên và cán bộ hướng dẫn có thành tích.

3. Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá, xét khen thưởng các công trình tham gia dự thi Giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học" và khen thưởng các cơ sở có thành tích cao trong phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo phân cấp cho thủ trưởng các cơ sở xem xét quyết định cộng thêm điểm vào điểm trung bình chung học tập của năm đang học cho các sinh viên có công trình đạt Giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học" do Bộ tổ chức (trừ những sinh viên đã tốt nghiệp).

Tổng số điểm tối đa cho 1 công trình:

- Giải nhất: 0,4 điểm
- Giải nhì: 0,3 điểm
- Giải ba: 0,2 điểm
- Giải khuyến khích: 0,1 điểm.

Điểm trung bình chung học tập sẽ là căn cứ để xét cấp học bổng, xét chuyển tiếp vào bậc cao học và các quyền lợi khác.

**Điều 12.** Trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ hướng dẫn:

1. Giảng viên, cán bộ nghiên cứu có trách nhiệm tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học (hướng dẫn xây dựng mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu).

2. Thủ trưởng các cơ sở căn cứ vào kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên để tính thêm giờ nghiên cứu khoa học cho cán bộ hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học (số giờ tối đa cho 1 công trình là 20 giờ).

**Điều 13. Xử lý vi phạm.**

Trường hợp phát hiện thấy công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên thiếu tính trung thực, thủ trưởng các cơ sở tùy thuộc vào mức độ vi phạm để thi hành các hình thức kỷ luật khác nhau đối với tác giả của công trình.

**Chương IV****ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 14. Điều khoản thi hành.**

Bản Quy chế này được áp dụng cho các trường đại học, kể cả các học viện, các Đại học Quốc gia, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng và các trường cao đẳng trong cả nước./.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

**NGUYỄN MINH HIẾN**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ số 07/2000/TT- BLĐTBXH**  
ngày 29/3/2000 hướng dẫn một số  
điều về lao động theo Nghị định  
số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999  
của Chính phủ về giao, bán, khoán  
kinh doanh, cho thuê doanh  
nghiệp nhà nước.

Thi hành Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày  
10/9/1999 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh

doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước, sau khi  
lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan; Bộ Lao  
động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số  
điều về chính sách đối với lao động trong các  
doanh nghiệp nhà nước thực hiện giao, bán, khoán  
kinh doanh, cho thuê như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Người lao động làm việc trong doanh nghiệp  
tại thời điểm giao, bán, khoán kinh doanh, cho  
thuê doanh nghiệp nhà nước bao gồm:

a) Lao động làm việc theo hợp đồng lao động  
không xác định thời hạn;

b) Lao động làm việc theo hợp đồng lao động  
xác định thời hạn;

c) Lao động làm việc theo mùa vụ, theo một  
công việc nhất định mà thời hạn từ 3 tháng đến  
dưới 1 năm;

d) Công nhân viên chức chưa chuyển sang ký  
hợp đồng lao động.

Kể cả lao động (thuộc các điểm a, b, c nói trên)  
đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động đang  
nghỉ chờ việc theo quyết định của giám đốc doanh  
nghiệp.

**II. THỜI GIAN LÀM VIỆC ĐỂ TRẢ TRỢ CẤP  
THÔI VIỆC, MẤT VIỆC VÀ HƯỞNG ƯU  
ĐÃI ĐƯỢC TÍNH NHƯ SAU**

1. Thời gian làm việc theo quy định tại khoản  
3 và khoản 5 Điều 10 Nghị định số 198/CP ngày  
31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và  
hướng dẫn một số Điều của Bộ Luật Lao động về  
hợp đồng lao động.

2. Số năm làm việc cho Nhà nước theo quy